

Bản án số: 1367/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Bà Trần Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 958/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1987; địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Giang Trang L, sinh năm: 1991; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày ông và bà Đinh Giang Trang L tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 251 ngày 10 tháng 12 năm 2014.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. bà L thường xuyên gây nợ nần do thói ăn chơi, đua đòi quậy phá.

Ông nhận thấy bà L không sửa chữa bản tính, nên các bên thường xuyên cãi vã, làm cho gia đình mất hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông và bà L không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, do vậy ông xác định không thể tiếp

tục sống chung được, không còn tình cảm với bà L nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: Ông xác định có 02 con chung tên Nguyễn Đình Thanh H, sinh ngày: 24/12/2012 và Nguyễn Đình Thanh N, sinh ngày: 04/11/2014 và hiện cả 02 trẻ đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Bị đơn bà Đình Giang Trang L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 5 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Đình Giang Trang L có nơi cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Đình Giang Trang L tự nguyện sống chung từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 251 ngày 10 tháng 12 năm 2014, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, bà L thường xuyên ăn chơi, đua đòi gây ra nợ nần rồi bỏ ông về nhà mẹ ruột ở. Ông đã nhiều lần khuyên can, nhưng bà L không chịu sửa chữa và cũng không quay về sống cùng ông. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy không có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Đồng thời, ông H trình bày ông và bà L đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà L là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào giấy trích lục khai sinh số 2026/TLKS-BS ngày 20/9/2018 và giấy trích lục khai sinh số 2025/TLKS-BS ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định ông H và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Đình Thanh H, sinh ngày: 24/12/2012 và Nguyễn Đình Thanh N, sinh ngày: 04/11/2014. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày cả 02 trẻ đang sống chung với ông. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, do vậy, để ổn định tâm sinh lý và đảm bảo điều kiện sống cho trẻ, tiếp tục giao 02 trẻ cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Giang Trang L.

(Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Giang Trang L được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 251 ngày 10 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Đình Thanh H, sinh ngày: 24/12/2012 và Nguyễn Đình Thanh N, sinh ngày: 04/11/2014 cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc ông Nguyễn Thanh H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0022391 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ